

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/DS-ST

Ngày: 29/4/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Xuân Tiên.

2. Ông Trần Văn Tiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 591/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H**; sinh năm: 1980; địa chỉ: D, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Bà **Đặng Thị Xuân T**; Sinh năm: 1982; địa chỉ: A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Trà Văn L**; Sinh năm: 1984; địa chỉ: A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Bà H, bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2024, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Vào ngày 27/6/2024, do quen biết nên bà T có đến mượn bà số tiền 50.000.000 đồng, để đáo hạn ngân hàng. Bà T cam kết khi nào bà cần sẽ trả lại cho bà, việc mượn nợ bà, bà T có viết giấy mượn tiền vào ngày 50.000.000 đồng, từ ngày mượn tiền đến nay bà T chưa đóng lãi cho bà tháng nào. Tháng 11/2024, bà cần sử dụng số tiền trên và yêu cầu bà T trả lại, nhưng bà T chỉ hứa mà không thực hiện. Nay, bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm từ ngày 27/6/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 12/12/2024 là 4.584.000 đồng.

Bà H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Bà cho bà T mượn để đáo hạn ngân hàng, tuy nhiên khi vay chỉ có một mình bà T ký, bà không có chứng cứ chứng minh ông L có biết và có sử dụng số tiền bà T mượn bà. Vì vậy nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ kiện bà T trả bà số tiền nợ 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 31/3/2025, bản tự khai ngày 01/3/2025 và ngày 20/01/2025 bà Đặng Thị Xuân T trình bày:

Trước đây, do có quen biết với bà Huỳnh Thị H, nên vào ngày 27/6/2024 bà có vay bà H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) với mức lãi suất 15%/tháng. Bà có đóng lãi đều đặn cho bà H được 03 tháng, bắt đầu từ ngày 27/6/2024 cho tới tháng 9/2024. Ngoài ra trước đây bà cũng có tham gia hội của bà H. Vì vậy, mặc dù thỏa thuận lãi suất khoản vay trên theo tháng, nhưng trước nay bà luôn đóng lãi cho bà H theo ngày và đóng cùng số tiền chơi hội với bà H. Lúc đầu, bà đóng tiền mặt. Sau đó, do khó khăn, bà phải đi làm ăn xa nên bà bắt đầu đóng tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản, đối với hình thức chuyển khoản bà chuyển vào số tài khoản 070085629229 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) của ông Trần Đình P làm chủ tài khoản (ông P là chồng của bà H). Sau đó, do lãi suất bà H cho bà vay quá cao, bà lại đang gặp khó khăn trong chuyện làm ăn. Vì vậy, bà không thể tiếp tục đóng lãi cho bà H được nữa. Đối với số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật mà bà đã đóng cho bà H bà không yêu cầu khấu trừ. Số tiền nêu trên, là giao dịch riêng giữa bà và bà H, không có liên quan gì đến ông L, bà H cũng biết rõ điều này. Hiện tại do hoàn cảnh vẫn còn khó khăn nên bà xin bà H cho bà được trả dần số tiền nợ, cụ thể mỗi tháng bà sẽ trả 500.000 đồng/tháng cho đến trả khi hết số nợ cho bà H.

Ngoài ra, theo như Thông báo số 31/TB-TA ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thì Quý T1 có thông báo cho bà vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 02/4/2025 đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, do bận công việc làm ăn ở xa nên nay bằng văn bản này bà kính đề nghị Quý Tòa cho phép bà được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 02/4/2025 cũng như cho tôi được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, các phiên họp, các buổi xét xử trong vụ án nêu trên. Bà vẫn giữ nguyên lời trình bày theo văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị H và bà Đặng Thị Xuân T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đặng Thị Xuân T2 có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, bà Đặng Thị Xuân T có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong vụ án; Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị Xuân T trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng. Xét thấy trong quá trình tố tụng, bà T thừa nhận vào 27/6/2024, bà có vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng. Hiện, do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà T không có khả năng trả cho bà H, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu của bà H đối với số tiền nợ vay 50.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà H không yêu cầu bà T trả lãi suất của số tiền nói trên.

[3.2] *Đối với số tiền lãi bà T đã đóng:* Phía bà T cho rằng mức lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng, tuy nhiên phía bà H không thừa nhận. Phía bà T không có chứng cứ thể hiện đã đóng lãi cho Huyền 15%/tháng, tài liệu bà T cung cấp không thể hiện nội dung chuyển trả lãi cho bà H, nên không có cơ sở thể hiện bà T đã đóng lãi cho bà H 15%/tháng. Do đó, không xem xét lãi.

[3.3] *Xem xét về yêu cầu liên đới:* Quá trình giải quyết vụ án, bà H1 có thay đổi nội dung khởi kiện, bà H1 yêu cầu một mình bà T trả nợ, không yêu cầu ông L liên đới, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3.4] *Xét yêu cầu xin trả dần của bà T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hoàn tất số tiền nợ, nhận thấy đây là giao đoạn thi hành án, nên không xem xét đến.*

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

Buộc bà Đặng Thị Xuân T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận bà Huỳnh Thị H không yêu cầu bà Đặng Thị Xuân T trả lãi suất của số tiền nêu trên.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đặng Thị Xuân T chịu án phí là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Bà Huỳnh Thị H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.364.000đ (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006435 ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-TAND tỉnh Bến Tre; **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

-VKSND huyện Châu Thành;

-Chi cục THADS huyện Châu Thành;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh

Lan

